

Số: 49/2021/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 09 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
**Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội,
mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 04

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số 179/TTr-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc ban hành Nghị quyết Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, một số mức trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

b) Cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội

1. Mức chuẩn trợ giúp xã hội là 360.000 đồng/tháng.
2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội là căn cứ xác định mức trợ cấp xã hội, mức hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng; mức trợ cấp nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội và các mức trợ giúp xã hội khác.

Điều 3. Mức trợ giúp xã hội

1. Mức trợ giúp xã hội đối với mỗi đối tượng bảo trợ xã hội được nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội (Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh) hàng tháng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị quyết này nhân với hệ số tương ứng sau đây:

- a) Hệ số 6,0 đối với trẻ em dưới 04 tuổi.
- b) Hệ số 5,0 đối với các đối tượng từ đủ 04 tuổi trở lên.

2. Mức trợ giúp xã hội khác không quy định tại Nghị quyết này được áp dụng bằng mức hỗ trợ hoặc mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Do ngân sách nhà nước bảo đảm, được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 5. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVII, Kỳ họp thứ 04 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2021. /.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; LĐTB&XH;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh (CT, các PCT);
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố
- Trung tâm tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- LĐVP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- LĐ + CV các phòng CM;
- Lưu: VT, CTHĐND (Tu).

CHỦ TỊCH

Bùi Đức Hình